

Bản án số: 39/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Thủy

Ông Lê Xuân Tý

Ông Trần Hoàng Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Chi Lăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Dương Thị Mỹ Tr, sinh năm: 1968, tại: huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn B (chết) và bà Trần Thị N; bị cáo có chồng là Lê Hữu 87 và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1990 và nhỏ nhất sinh năm 1996); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/3/2018 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương Thanh V – Luật sư của Văn phòng Luật sư NT-HG, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang, bào chữa chỉ định cho bị cáo. Có mặt.

- Bị hại:

1/ Nguyễn Bình 1, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 17/6, khu vực 1, phường 2, quận 3, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2/ Nguyễn Thị Thu 2, sinh năm: 1951; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3/ Hà Thị 3, sinh năm: 1967; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

4/ Nguyễn Thanh 4, sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

5/ Ngô Kiều 5, sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

6/ Huỳnh Thị 6, sinh năm: 1967; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

7/ Nguyễn Minh 7, sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

8/ Trần Kim 8, sinh năm: 1961; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng 9, sinh năm: 1962; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

9/ Nguyễn Bé 10, sinh năm: 1982; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị 11, sinh năm: 1960; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

10/ Nguyễn Thị 12, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

11/ Lê Thị Thu 13, sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

12/ Nguyễn Diệu 14, sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

13/ Võ Thị 15, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

14/ Nguyễn Thuý 16, sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

15/ Lê Ngọc 17, sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

16/ Nguyễn Kim 18, sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

17/ Nguyễn Thị 19, sinh năm: 1966; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

18/ Lê Hồng 20, sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

19/ Nguyễn Thị Tuyết 21, sinh năm: 1966; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

20/ Nguyễn Thị 22, sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

21/ Nguyễn Hoàng 23, sinh năm: 1961; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

22/ Nguyễn Thị 24, sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

23/ Dương Thị 25, sinh năm: 1960; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng 26, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

24/ Lê Lệ 27, sinh năm: 1985; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị 28, sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

25/ Mai Cẩm 29, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

26/ Trần Thị 30, sinh năm: 1963; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

27/ Nguyễn Văn 31, sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

28/ Lương Hoàng 32, sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

29/ Mai Cẩm 33, sinh năm: 1959; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

30/ Trần Thị 34, sinh năm: 1983; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

31/ Lê Minh 35, sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

32/ Huỳnh Thanh 36, sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

33/ Trần Thanh 37, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

34/ Phạm Văn 38, sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

35/ Trần Thanh 39, sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

36/ Phan Thị Thanh 40, sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

37/ Thái Hồng 41, sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

38/ Đặng Văn 42, sinh năm: 1968; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

39/ Phạm Thị Mỹ 43, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Mộng 44; sinh năm: 1996; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

40/ Phạm Đại 45, sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

41/ Võ Hoàng 46, sinh năm: 1980; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

42/ Phan Thị Kim 47, sinh năm: 1983; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

43/ Nguyễn Thanh 48, sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

44/ Bùi Thị Thu 49, sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

45/ Cao Thị Phương 50, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

46/ Tô Thanh 51, sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

47/ Lê Văn 52, sinh năm: 1967; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

48/ Nguyễn Thanh 53, sinh năm: 1956; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

49/ Nguyễn Minh 54, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

50/ Lê Thanh 55, sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

51/ Nguyễn Thị 56, sinh năm: 1960; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

52/ Huỳnh Thị Ngọc 57, sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

53/ Nguyễn Thị 58, sinh năm: 1985; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

54/ Trần Thị 59, sinh năm: 1956; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

55/ Trần Văn 60, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

56/ Võ Hồng 61, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

57/ Lê Kim 62, sinh năm: 1962; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

58/ Trần Văn 63, sinh năm: 1968; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

59/ Mai Cẩm 64, sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

60/ Dương Thị Ngọc 65, sinh năm: 1982; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

61/ Nguyễn Thị 66, sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng 67, sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

62/ Huỳnh Văn 68, sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

63/ Lê Thị 69, sinh năm: 1948; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

64/ Dương Thị Thúy 70, sinh năm: 1970; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

65/ Đỗ Thị Thu 71, sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

66/ Trần Thị Ánh 72, sinh năm: 1990; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

67/ Trần Thị 73, sinh năm: 1957; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

68/ Nguyễn Thị Cẩm 74, sinh năm: 1956; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

69/ Hà Thị Thúy 75, sinh năm: 1980; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

70/ Nguyễn Quốc 76, sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

71/ Lâm Thị 77, sinh năm: 1961; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

72/ Nguyễn Thị Thanh 78, sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

73/ Nguyễn Thị 79, sinh năm: 1975; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

74/ Lê Thị Mỹ 80, sinh năm: 1982; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

75/ Trần Thanh 81, sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

76/ Ngô Kiều 82, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ngô Kiều 83; sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

77/ Tô Văn 84, sinh năm: 1963; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

78/ Trương Thị Hồng 85, sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

79/ Phạm Thị Bích 86, sinh năm: 1990; nơi cư trú: số 01, phường 2, quận 3, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Hữu 87; sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

2/ Tống Thị Mỹ 88; sinh năm: 1960; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3/ Huỳnh Kim 89; sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

4/ Đặng Kim 90; sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

5/ Trần Thị Vân 91; sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp 1.1, xã 2.2, huyện 3.3, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

6/ Nguyễn Thị 92; sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

7/ Phan Thị Trúc 93; sinh năm: 1980; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

8/ Nguyễn Thị 94; sinh năm: 1964; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

9/ Nguyễn Thị Hồng 95; sinh năm: 1952; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

10/ Lê Thị 96; sinh năm: 1959; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

11/ Lư Thị Thuý 97; sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

12/ Lê Hoàng 98; sinh năm: 1958; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

13/ Ngô Văn 99; sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

14/ Võ Thu 100; sinh năm: 1966; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

15/ Nguyễn Thị Bé 101; sinh năm: 1975; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

16/ Nguyễn Minh 102; sinh năm: 1990; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

17/ Võ Thị Ngọc 103; sinh năm: 1956; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

18/ Cao Thị Phương 104; sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

19/ Lê Thuý 105; sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

20/ Dương Bích 106; sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

21/ Huỳnh Ngọc 107; sinh năm: 1951; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

22/ Trần Thị 108; sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

23/ Huỳnh Thị 109; sinh năm: 1941; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

24/ Võ Thị Tuyết 110; sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

25/ Đỗ Thị Út 111; sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

26/ Nguyễn Thị 112; sinh năm: 1962; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

27/ Cao Thị Hoàng 113; sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

28/ Dương Thị Mỹ 114; sinh năm: 1966; nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện 3, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

29/ Nguyễn Thị 115; sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

30/ Nguyễn Thị 116; sinh năm: 1980; nơi cư trú: ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

31/ Lê Dương Khánh 117; sinh năm: 1990; nơi cư trú: số 49, Huỳnh Phan Hồ, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

32/ Nguyễn Thị 118; sinh năm: 1956; nơi cư trú: ấp Trường Phước, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

33/ Dương Ngọc 119; sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

34/ Tô Văn 120; sinh năm: 1968; nơi cư trú: ấp Trường Phước, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

35/ Nguyễn Thị 121; sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

36/ Võ Minh 122; sinh năm: 1990; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

37/ Nguyễn Thị Cẩm 123; sinh năm: 1985; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

38/ Lê Thị Cẩm 124; sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

39/ Nguyễn Ngọc Minh 125; sinh năm: 1992; nơi cư trú: ấp Trường Phước, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

40/ Trần Thuý 126; sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

41/ Nguyễn Thị Bích 127; sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

42/ Đặng Thị 128; sinh năm: 1959; nơi cư trú: ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

43/ Nguyễn Thị Thu 129; sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp Trường Phước, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

44/ Lê Thị 130; sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp Trường Phước, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

45/ Lê Thị Diệu 131; sinh năm: 1980; nơi cư trú: ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

46/ Nguyễn Thị Thuý 132; sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

47/ Lư Thị Thuý 133; sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

48/ Nguyễn Thị Hồng 134; sinh năm: 1952; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

49/ Võ Thị Tuyết 135; sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp Trường Thuận A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

50/ Nguyễn Thị Hồng 136; sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp Trường Thọ A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

51/ Cao Thị Hoàng 137; sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp Trường Phước, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

52/ Nguyễn Tấn 138; sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp Trường Bình A, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, Hậu Giang. Vắng mặt.

53/ Lê Dương Khánh 139; sinh năm: 1996; nơi cư trú: ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2002, bị cáo Dương Thị Mỹ Tr đứng ra làm chủ hội cho nhiều người dân trên địa bàn huyện 3, tỉnh Hậu Giang và các vùng lân cận tham gia chơi hội để hưởng huê hồng. Trong thời gian đầu bị cáo Tr hoạt động thuận lợi nên có uy tín và ngày càng tạo được lòng tin đối với các hội viên. Đến khoảng giữa năm 2015 một số hội viên hốt hui không đóng hui chết, đóng hui chết trễ nên bị cáo Tr nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền hui của các hội viên, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của các hội viên như không quan tâm người tham

gia hội, không hỏi tên hội viên được hốt hội, không theo dõi các lần hốt hội, không trực tiếp đi khai hội nên bắt đầu từ ngày 30/6/2015 âm lịch bị cáo Tr đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách trong mỗi dây hội bị cáo đều có tham gia vào và đưa thêm tên giả, tên người không có tham gia vào dây hội, mạo danh hội viên để hốt hội nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên sử dụng vào mục đích tràn hội, lấp hội và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 16/10/2017 âm lịch do không còn khả năng để duy trì các dây hội nên bị cáo Tr tuyên bố bẻ hội và đến Công an xã 2 trình báo sự việc, đồng thời nộp các sổ hội có liên quan cho cơ quan Công an quản lý.

Quá trình điều tra xác định đến thời điểm bị cáo Tr tuyên bố bẻ hội thì còn 27 dây hội chưa mãn, trong đó bao gồm: 07 dây hội mùa (03 tháng bỏ thăm để hốt hội một lần), 17 dây hội tháng (01 tháng bỏ thăm để hốt hội một lần) và 03 dây hội ngày (mỗi ngày bỏ thăm để hốt hội một lần), có tất cả 130 hội viên tham gia, trong đó có 79 hội viên là người bị hại, 54 hội viên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Khi tổ chức các dây hội này bị cáo tự đặt ra quy định về thời gian, cách thức tổ chức khai hội; đồng thời lập danh sách hội viên của từng dây hội, ghi chép vào sổ để quản lý, hội viên được bị cáo giao bản sao danh sách các hội viên tham gia trong từng dây hội; riêng hội ngày bị cáo ghi tên hội viên và số phần của hội viên tham gia vào sổ hội, nhưng không giao danh sách cho các hội viên. Thời điểm tuyên bố bẻ hội, bị cáo và các hội viên không nhớ chính xác giá kê hội thực tế của của mỗi lần khai hội nên bị cáo và các hội viên thỏa thuận thống nhất mức giá kê hội để làm cơ sở xác định số tiền các hội viên đã đóng cho bị cáo, cụ thể: Đối với hội mùa 5.000.000 đồng, giá kê hội ở lần khai thứ 1 là 2.000.000 đồng, những lần khai tiếp theo giá kê hội là 1.500.000 đồng; Đối với hội tháng: Hội 5.000.000 đồng, giá kê hội ở mỗi lần khai là 800.000 đồng; Hội 2.000.000 đồng, giá kê hội ở mỗi lần khai là 400.000 đồng; Đối với hội ngày 20.000 đồng/ngày: 10 ngày khai đầu tiên giá kê là 3.000 đồng, 40 ngày khai tiếp theo giá kê là 2.000 đồng, 10 ngày khai tiếp theo giá kê là 1.500 đồng và những ngày khai còn lại đến mãn hội giá kê là 1.000 đồng.

Tổng số tiền cho đến ngày bị cáo tuyên bố vỡ hội còn nợ của các hội viên trong 27 dây hội đối với 79 hội viên là bị hại và 05 hội viên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **7.136.149.000 đ** (bảy tỷ một trăm ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Trong đó bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền hội của 79 hội viên là bị hại trong vụ án là **4.279.972.000 đ** (bốn tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng), cụ thể như sau:

1. Nguyễn Bình 1: Tham gia 07 dây với 07 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 60.355.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 129.800.000đ.

2. Nguyễn Thị Thu 2: Tham gia 01 dây hội, mở ngày 04/6S/2017 với 50 phần hội chưa hết. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 70.050.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 70.000.000đ.

3. Hà Thị 3: Tham gia 03 dây hội ngày. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 60.660.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 61.160.000đ.

4. Nguyễn Thanh 4: Tham gia 01 dây hội, mở ngày 04/6S/2017 với 10 phần hội chưa hết. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 14.550.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 14.550.000đ.

5. Ngô Kiều 5: Tham gia 05 dây với 05 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 15.818.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 54.400.000đ.

6. Huỳnh Thị 6: Tham gia 05 dây với 132 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 143.729.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 155.000.000đ.

7. Nguyễn Minh 7: Tham gia 07 dây hội với 94 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 141.510.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 208.100.000đ.

8. Trần Kim 8: Tham gia 02 dây hội với 90 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 107.650.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 106.750.000đ.

9. Nguyễn Bé 9: Tham gia 04 dây hội với 81 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 84.871.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 92.930.000đ.

10. Nguyễn Thị 10: Tham gia 04 dây hội với 04 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 38.296.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 74.950.000đ.

11. Lê Thị Thu 11: Tham gia 04 dây hội với 13 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 19.650.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 27.610.000đ.

12. Nguyễn Diệu 12: Tham gia 03 dây hụi với 03 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 13.915.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 88.000.000đ.

13. Võ Thị 13: Tham gia 09 dây hụi với 11 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 172.073.000 đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 224.150.000đ.

14. Nguyễn Thuý 14: Tham gia 03 dây hụi với 52 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 72.750.000 đ. Bị cáo thống nhất bồi thường cho bị hại số tiền sau khi đã cần trừ phần hụi chết với bị hại là: 29.750.000đ.

15. Lê Ngọc 15: Tham gia 01 dây hụi mở ngày 25/7/2017 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 2.769.000 đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 3.000.000đ.

16. Nguyễn Kim 16: Tham gia 04 dây hụi với 61 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 39.960.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 37.260.000đ.

17. Nguyễn Thị 17: Tham gia 02 dây hụi với 02 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 5.629.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 16.000.000đ.

18. Lê Hồng 18: Tham gia 10 dây hụi với 347 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 411.812.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 474.925.000đ.

19. Nguyễn Thị Tuyết 19: Tham gia 20 dây hụi với 48 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 162.230.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 187.660.000đ.

20. Nguyễn Thị 20: Tham gia 01 dây hụi ngày 28/6S/2017 với 20 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 19.280.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 19.280.000đ.

21. Nguyễn Hoàng 21: Tham gia 09 dây hụi với 97 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 112.247.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 109.200.000đ.

22. Nguyễn Thị 22: Tham gia 01 dây hụi ngày 04/6S/2017 với 35 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần

hội sống là: 50.925.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 50.925.000đ.

23. Dương Thị 23: Tham gia 01 dây hội ngày 10/1/2017 với 01 phần hội chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 6.800.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 10.000.000đ.

24. Lê Lệ 24: Tham gia 02 dây hội với 16 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 30.225.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 37.825.000đ.

25. Mai Cẩm 25: Tham gia 01 dây hội ngày 20/1/2017 với 01 phần hội chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 5.760.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 12.800.000đ.

26. Trần Thị 26: Tham gia 03 dây hội với 60 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 60.660.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 114.320.000đ.

27. Nguyễn Văn 27: Tham gia 03 dây hội với 141 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 118.888.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 313.430.000đ.

28. Lương Hoàng 28: Tham gia 02 dây hội với 06 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 6.945.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 15.700.000đ.

29. Mai Cẩm 29: Tham gia 04 dây hội với 33 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 66.391.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 127.340.000đ.

30. Trần Thị 30: Tham gia 01 dây hội ngày 28/6S/2017 với 20 phần hội chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 19.780.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 20.020.000đ.

31. Lê Minh 31: Tham gia 05 dây hội với 54 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 92.225.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 117.550.000đ.

32. Huỳnh Thanh 32: Tham gia 01 dây hội ngày 04/6S/2017 với 10 phần hội chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 14.550.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 14.400.000đ.

33. Trần Thanh 33: Tham gia 06 dây hụi với 06 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 56.589.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 93.400.000đ.

34. Phạm Văn 34: Tham gia 01 dây hụi ngày 28/6S/2017 với 20 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 19.780.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 20.020.000đ.

35. Trần Thanh 35: Tham gia 01 dây hụi ngày 15/9/2016 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 31.680.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 303.500.000đ.

36. Phan Thị Thanh 36: Tham gia 02 dây hụi với 02 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 9.715.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 18.820.000đ.

37. Thái Hồng 37: Tham gia 04 dây hụi với 24 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 53.944.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 93.700.000đ.

38. Đặng Văn 38: Tham gia 07 dây hụi với 114 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 158.100.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 228.600.000đ.

39. Phạm Thị Mỹ 39: Tham gia 01 dây hụi ngày 04/6S/2017 với 50 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 66.100.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 206.900.000đ.

40. Phạm Đại 40: Tham gia 17 dây hụi với 165 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 309.959.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 497.325.000đ.

41. Võ Hoàng 41: Tham gia 08 dây hụi với 27 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 45.324.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 70.340.000đ.

42. Phan Thị Kim 42: Tham gia 04 dây hụi với 04 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 21.381.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 50.900.000đ.

43. Nguyễn Thanh 43: Tham gia 01 dây hụi ngày 15/9/2016 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần

hội sống là: 31.680.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 337.200.000đ.

44. Bùi Thị Thu 44: Tham gia 03 dây hội với 03 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 14.458.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 38.400.000đ.

45. Cao Thị Phương 45: Tham gia 08 dây hội với 57 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 107.519.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 344.070.000đ.

46. Tô Thanh 46: Tham gia 05 dây hội với 43 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 47.531.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 86.720.000đ.

47. Lê Văn 47: Tham gia 02 dây hội, mỗi dây 0,5 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 9.871.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 14.400.000đ.

48. Nguyễn Thanh 48: Tham gia 08 dây hội với 08 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 50.404.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 438.500.000đ.

49. Nguyễn Minh 49: Tham gia 09 dây hội với 97 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 157.585.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 200.540.000đ.

50. Lê Thanh 50: Tham gia 06 dây hội với 06 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 46.869.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại là: 50.600.000đ.

51. Nguyễn Thị 51: Tham gia 05 dây hội với 24 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 48.425.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 152.600.000đ.

52. Huỳnh Thị Ngọc 52: Tham gia 01 dây hội với 01 phần hội chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 6.800.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 10.000.000đ.

53. Nguyễn Thị 53: Tham gia 02 dây hội với 06 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 13.035.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 20.075.000đ.

54. Trần Thị 54: Tham gia 02 dây hội với 02 phần hội. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là: 9.715.000đ. Bị hại không yêu cầu bồi thường.

55. Trần Văn 55: Tham gia 01 dây hụi tháng mở ngày 25/9/2016 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 12.981.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 19.200.000đ.

56. Võ Hồng 56: Tham gia 01 dây hụi mùa mở ngày 25/7/2017 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 2.000.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 2.000.000đ.

57. Lê Kim 57: Tham gia 01 dây hụi tháng mở ngày 28/11/2016 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 4.200.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 15.790.000đ.

58. Trần Văn 58: Tham gia 01 dây hụi tháng mở ngày 02/6T/2017 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 1.858.000đ. Bị hại không yêu cầu bồi thường.

59. Mai Cẩm 59: Tham gia 03 dây hụi với 11 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 17.701.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 29.814.000đ.

60. Dương Thị Ngọc 60: Tham gia 01 dây hụi mùa mở ngày 25/7/2017 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 18.350.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 21.350.000đ.

61. Nguyễn Thị 61: Tham gia 12 dây hụi với 129 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 132.270.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 97.720.000đ.

62. Huỳnh Văn 62: Tham gia 07 dây hụi với 08 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 33.621.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 36.200.000đ.

63. Lê Thị 63: Tham gia 04 dây hụi với 54 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 50.450.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 71.150.000đ.

64. Dương Thị Thúy 64: Tham gia 01 dây hụi tháng mở ngày 28/11/2016 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 8.400.000đ. Bị hại không yêu cầu bồi thường.

65. Đỗ Thị Thu 65: Tham gia 03 dây hụi với 46 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 47.505.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 65.040.000đ.

66. Trần Thị Ánh 66: Tham gia 04 dây hụi với 04 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 25.581.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 68.600.000đ.

67. Trần Thị 67: Tham gia 01 dây hụi tháng, mở ngày 30/2/2017 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 3.771.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 11.200.000đ.

68. Nguyễn Thị Cẩm 68: Tham gia 03 dây hụi với 12 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 24.650.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 17.150.000đ.

69. Hà Thị Thúy 69: Tham gia 01 dây hụi ngày mở ngày 20/7/2017 với 30 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 15.900.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 15.900.000đ.

70. Nguyễn Quốc 70: Tham gia 01 dây hụi ngày mở ngày 04/6S/2017 với 40 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 29.100.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 21.900.000đ.

71. Lâm Thị 71: Tham gia 04 dây hụi với 82 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 65.800.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 87.000.000đ.

72. Nguyễn Thị Thanh 72: Tham gia 06 dây hụi với 54 phần hụi. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 44.220.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 27.540.000đ.

73. Nguyễn Thị 73: Tham gia 01 dây hụi tháng mở ngày 28/11/2016 với 01 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 8.400.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 16.000.000đ.

74. Lê Thị Mỹ 74: Tham gia 01 dây hụi tháng mở ngày 20/1/2017 với 0.5 phần hụi chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống là: 2.000.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 6.400.000đ.

75. Trần Thanh 75: Tham gia 03 dây hui với 52 phần hui. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hui sống là: 2.769.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 6.900.000đ.

76. Ngô Kiều 76: Tham gia 01 dây hui tháng mở ngày 20/1/2017 với 01 phần hui chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hui sống là: 5.760.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 12.800.000đ.

77. Tô Văn 77: Tham gia 05 dây hui với 54 phần hui. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hui sống là: 76.950.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 29.750.000đ.

78. Trương Thị Hồng 78: Tham gia 01 dây hui ngày mở ngày 04/6S/2017 với 50 phần hui chưa hốt. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hui sống là: 63.250.000đ. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại: 63.250.000đ.

79. Phạm Thị Bích 79: Tham gia 02 dây hui với 02 phần hui. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hui sống là: 38.640.000đ. Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu gì thêm.

Đối với Nguyễn Tấn T tham gia 01 dây hui tháng mở ngày 02/6T/2017 với 01 phần hui chưa hốt. Quá trình điều tra đã xác định dây hui tháng mở ngày 02/6T/2017 bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản. Do đó, xác định từ cách tham gia tổ tụng của Nguyễn Tấn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với Lê Dương Khánh 139 (là con đẻ của bị cáo Dương Thị Mỹ Tr) tham gia 04 dây hui tháng, mỗi dây 0.5 phần hui. Quá trình điều tra 139 thừa nhận bản thân chỉ đứng tên tham gia trong sổ hui còn tiền đóng hui là do bị cáo Tr cho 139 để tích góp trong việc ăn học. Do đó, 139 không yêu cầu xử lý về mặt hình sự, dân sự nên xác định tư cách tham gia tổ tụng của Lê Dương Khánh 139 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-P1 ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Dương Thị Mỹ Tr có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Dương Thị Mỹ Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo từ 15 đến 16 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa và các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đóng hui cho bị cáo. Đối với các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường thì đề nghị tách ra, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về xử lý vật chứng: 11 quyển sổ ghi hui là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu và lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, quá trình điều tra bị cáo không bị ép cung, nhục hình, mớm cung, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đồng ý trả các khoản tiền còn nợ theo yêu cầu của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa.

Ý kiến của người bào chữa:

Thống nhất tội danh và điều luật áp dụng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, bởi vì gia đình bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và bị cáo đã tự nguyện dùng tài sản của bị cáo trong khối tài sản chung đang bị cơ quan điều tra cầm chuyển dịch để bồi thường cho các bị hại. Do đó, luật sư đề nghị xử phạt bị cáo mức án bằng mức khởi điểm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến của bị hại:

Các bị hại đề nghị bị cáo có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền hui đã đóng vào các dây hui, về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các bị hại Trần Thị 67, Nguyễn Thị Thu 2 còn đề nghị xem xét trách nhiệm của chồng và các con của bị cáo đối với số tiền đã bị bị cáo chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, có mặt 36 bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại có yêu cầu xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo cho những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt theo luật định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị Mỹ Tr thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng đã nêu. Qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng:

[2.1] Bị cáo Dương Thị Mỹ Tr bắt đầu làm chủ hội vào năm 2002 cho những người trong khu vực bị cáo cư trú tham gia hội để hưởng tiền hoa hồng. Trong quá trình làm chủ hội, do một số hội viên không đóng hội chết nên lợi dụng việc các hội viên không quan tâm người tham gia hội, không hỏi tên người được hốt hội, không theo dõi các lần hốt hội, không trực tiếp đi khai hội nên bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối như mạo danh hội viên, đưa tên không vào các dây hội mà bị cáo làm chủ để hốt hội chiếm đoạt tiền của hội viên. Với thủ đoạn trên, từ năm 2015 đến tháng 10 năm 2017, bị cáo Tr đã chiếm đoạt tiền hội của 79 hội viên là bị hại trong vụ án với số tiền 4.279.972.000đ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác với giá trị tài sản chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng đã cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và thuộc tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm

phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do một số hội viên không đóng hội chết nên bị cáo đã lợi dụng sự thiếu quan tâm của các hội viên trong quá trình tham gia hội, bị cáo đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tiền của các hội viên để sử dụng vào mục đích trộm cắp, lách luật và tiêu xài cá nhân. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi gian dối, trong khoảng thời gian dài chiếm đoạt tiền của 26 dây hội nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét thấy, cần thiết phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được giáo dục, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; gia đình khắc phục hậu quả số tiền 20.000.000 đồng nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt và nợ hội cho bị hại Phạm Thị Bích 79; sau khi tuyên bố vỡ hội bị cáo đã chủ động đến Công an xã 2 trình báo, giao nộp các sổ sách ghi hội có liên quan để áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

[3.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có 75 bị hại, 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền hội mà các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đóng vào cho bị cáo bao gồm số tiền bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt và số tiền bị cáo còn nợ các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng từ các dây hội trên mà bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt. Bị cáo thống nhất hoàn trả theo yêu cầu của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không trái pháp luật nên ghi nhận.

[3.2] Đối với 04 bị hại bao gồm: Trần Thị 54, Trần Văn 55, Dương Thị Thúy 64, Phạm Thị Bích 79 không có yêu cầu gì, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa nên không xem xét trong vụ án này và được tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu sau này có yêu cầu.

[4] Xét ý kiến của các bị hại Trần Thị 67, Nguyễn Thị Thu 2 đề nghị xem xét trách nhiệm của chồng bị cáo là Lê Hữu 87 và các con của bị cáo đối với số tiền đã bị bị cáo chiếm đoạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra không đủ cơ sở chứng minh ông 87 cũng như các con của bị cáo Tr biết, thống nhất cùng bị cáo Tr thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại nên

không có cơ sở xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự. Bị cáo Tr là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, do đó không có cơ sở để xem xét trách nhiệm của chồng và các con của bị cáo về việc bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng: 11 quyển sổ ghi chép liên quan đến việc tổ chức hội của bị cáo Dương Thị Mỹ Tr là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu và lưu giữ vào hồ sơ vụ án. Đối với số tiền Việt Nam 20.000.000 đồng do ông Lê Hữu 87 (chồng của bị cáo Dương Thị Mỹ Tr) nộp để bồi thường khắc phục thiệt hại cho các bị hại sẽ tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 268, Điều 269, Điều 298 và Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị Mỹ Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Dương Thị Mỹ Tr 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Buộc bị cáo Dương Thị Mỹ Tr phải có trách nhiệm hoàn trả cho 75 bị hại và 04 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt và tiền hội còn nợ, tổng cộng 7.105.949.000đ, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Bình 1: 129.800.000đ
2. Nguyễn Thị Thu 2: 70.000.000đ.
3. Hà Thị 3: 61.160.000đ.
4. Nguyễn Thanh 4: 14.550.000đ.
5. Ngô Kiều 5: 54.400.000đ.
6. Huỳnh Thị 6: 155.000.000đ.
7. Nguyễn Minh 7: 208.100.000đ.

8. Trần Kim 8: 106.750.000đ.
9. Nguyễn Bé 10: 92.930.000đ.
10. Nguyễn Thị 12: 74.950.000đ.
11. Lê Thị Thu 13: 27.610.000đ.
12. Nguyễn Diệu 14: 88.000.000đ.
13. Võ Thị 15: 224.150.000đ.
14. Nguyễn Thúy 16: 29.750.000đ.
15. Lê Ngọc 17: 3.000.000đ.
16. Nguyễn Kim 18: 37.260.000đ.
17. Nguyễn Thị 19: 16.000.000đ.
18. Lê Hồng 20: 474.925.000đ.
19. Nguyễn Thị Tuyết 21: 187.660.000đ.
20. Nguyễn Thị 22: 19.280.000đ.
21. Nguyễn Hoàng 23: 109.200.000đ.
22. Nguyễn Thị 24: 50.925.000đ.
23. Dương Thị 25: 10.000.000đ.
24. Lê Lệ 27: 37.825.000đ.
25. Mai Cẩm 29: 12.800.000đ.
26. Trần Thị 30: 114.320.000đ.
27. Nguyễn Văn 31: 313.430.000đ.
28. Lương Hoàng 32: 15.700.000đ.
29. Mai Cẩm 33: 127.340.000đ.
30. Trần Thị 34: 20.020.000đ.
31. Lê Minh 35: 117.550.000đ.
32. Huỳnh Thanh 36: 14.400.000đ.
33. Trần Thanh 37: 93.400.000đ.
34. Phạm Văn 38: 20.020.000đ.
35. Trần Thanh 39: 303.500.000đ.
36. Phan Thị Thanh 40: 18.820.000đ.
37. Thái Hồng 41: 93.700.000đ.
38. Đặng Văn 42: 228.600.000đ.
39. Phạm Thị Mỹ 43: 206.900.000đ.
40. Phạm Đại 45: 497.325.000đ.
41. Võ Hoàng 46: 70.340.000đ.
42. Phan Thị Kim 47: 50.900.000đ.
43. Nguyễn Thanh 48: 337.200.000đ.
44. Bùi Thị Thu 49: 38.400.000đ.
45. Cao Thị Phương 50: 344.070.000đ.
46. Tô Thanh 51: 86.720.000đ.

47. Lê Văn 52: 14.400.000đ.
48. Nguyễn Thanh 53: 438.500.000đ.
49. Nguyễn Minh 54: 200.540.000đ.
50. Lê Thanh 55: 50.600.000đ.
51. Nguyễn Thị 56: 152.600.000đ.
52. Huỳnh Thị Ngọc 57: 10.000.000đ.
53. Nguyễn Thị 58: 20.075.000đ.
54. Trần Văn 60: 19.200.000đ.
55. Võ Hồng 61: 2.000.000đ.
56. Lê Kim 62: 4.200.000đ.
57. Mai Cẩm 64: 29.814.000đ.
58. Dương Thị Ngọc 65: 21.350.000đ.
59. Nguyễn Thị 66: 97.720.000đ.
60. Huỳnh Văn 68: 36.200.000đ.
61. Lê Thị 69: 71.150.000đ.
62. Đỗ Thị Thu 71: 65.040.000đ.
63. Trần Thị Ánh 72: 68.600.000đ.
64. Trần Thị 73: 11.200.000đ.
65. Nguyễn Thị Cẩm 74: 17.150.000đ.
66. Hà Thị Thúy 75: 15.900.000đ.
67. Nguyễn Quốc 76: 21.900.000đ.
68. Lâm Thị 77: 87.000.000đ.
69. Nguyễn Thị Thanh 78: 27.540.000đ.
70. Nguyễn Thị 79: 16.000.000đ.
71. Lê Thị Mỹ 80: 6.400.000đ.
72. Trần Thanh 81: 6.900.000đ.
73. Ngô Kiều 82: 12.800.000đ.
74. Tô Văn 84: 29.750.000đ.
75. Trương Thị Hồng 85: 63.250.000đ.
76. Huỳnh Kim 89: 46.200.000đ.
77. Đặng Kim 90: 8.900.000đ.
78. Nguyễn Tấn 138: 6.400.000đ.
79. Tống Thị Mỹ 88: 6.400.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu và lưu hồ sơ vụ án: 11 quyển sổ ghi chép liên quan đến việc tổ chức hội của bị cáo Dương Thị Mỹ Tr, bao gồm:

- 06 (sáu) cuốn sổ ghi hội ngày: Ngày 09/12/2016, ngày 09/01/2017, ngày 04/02/2017, ngày 04/4/2017, ngày 28/6/2017 và ngày 20/7/2017;
- 01 (một) cuốn sổ ghi chép hội tháng;
- 01 (một) cuốn sổ ghi chép hội mùa;
- 01 (một) cuốn ghi chép biên nhận những hội viên nợ tiền hội;
- 02 (hai) cuốn sổ ghi chép đối chiếu tiền hội với các hội viên.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do ông Lê Hữu 87 nộp theo Biên lai thu tiền số 0009302 ngày 15/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang sẽ được giải quyết khi thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 115.105.949đ.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- CQĐT-CA tỉnh Hậu Giang;
- Trại tạm giam-CA tỉnh Hậu Giang;
- Phòng Hồ sơ-CA tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Chính quyền nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh